

Phụ lục II:
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án thành phần "Tăng cường cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho
Phân viện Điều tra, Quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên"**
thuộc dự án "Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các Viện lĩnh vực Lâm nghiệp"

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-XD ngày tháng năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	20.000.000
I	Chi phí xây dựng	14.130.199
1	Xây dựng mới nhà làm việc và nghiên cứu	8.523.455
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà	2.988.371
3	Công trình phụ trợ	1.280.578
	Cổng, tường rào, biển tên	486.282
	San nền	794.296
4	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà	1.337.795
	Sân đường, thoát nước nội khu	1.120.165
	Hệ thống cấp điện	111.865
	Hệ thống cấp nước	105.765
II	Chi phí thiết bị (chi tiết xem phụ lục I)	1.198.500
1	Thiết bị công trình	636.000
2	Thiết bị văn phòng	562.500
III	Chi phí quản lý dự án	469.825
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	8.606
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	461.219
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.258.084
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	286.865
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	4.270
2	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	1.000
3	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	105.170
4	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	144.550
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT	27.592
6	Chi phí giám sát khảo sát	4.283
IV.2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	971.219

TT	Hạng mục	Thành tiền
1	Chi phí khảo sát địa chất giai đoạn lập TKBVTC (nếu cần)	52.585
2	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	426.732
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	25.576
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	24.869
5	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	48.608
6	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	3.368
7	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	6.027
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	15.329
10	Chi phí thẩm định giá thiết bị	2.876
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	354.527
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	8.581
13	Chi phí giám sát khảo sát	2.141
V	Chi phí khác	210.082
1	Phí thẩm định báo cáo NCKT	2.759
2	Chi phí thẩm định báo cáo NCKT	4.139
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	5.129
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng	4.960
6	Bảo hiểm công trình xây dựng	21.195
7	Kiểm tra công tác nghiệm thu	75.000
8	Chi phí kiểm toán	73.200
9	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	23.700
VI	Chi phí dự phòng	2.733.310
1	Cho khối lượng, công việc phát sinh	1.726.669
2	Cho yếu tố trượt giá	1.006.641